

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành, khóa XII, kỳ họp thứ 5 về việc dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023 cụ thể như sau:

1. VỀ THU NSNN:

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 151,15 tỷ đồng, đạt 73,7% dự toán, tăng 21,6% cùng kỳ, gồm:

2. VỀ CHI NSDP:

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 433,29 tỷ đồng, đạt 60,3% dự toán, bằng 79 % cùng kỳ, trong đó:

Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 370,91 tỷ đồng, đạt 67,5% dự toán, bằng 83,5% cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 150,39 tỷ đồng, đạt 285,8% dự toán, tăng 8,8% cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên: 220,51 tỷ đồng, đạt 45,4% dự toán, bằng 72,1% cùng kỳ;

- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 10,25 tỷ đồng, đạt 6,1% dự toán, tăng 14,4% cùng kỳ.

- Chi bổ sung ngân sách xã: 52,01 tỷ đồng, bằng 97,9% cùng kỳ.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP 642,20 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết 149,29 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NST 255,58 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn 185,32 tỷ đồng.

- Thu bổ sung ngân sách xã 52,01 tỷ đồng.

- 2. Tổng chi NSDP..... 433,29 tỷ đồng.**
- Chi cân đối Ngân sách địa phương 370,91 tỷ đồng.
 - Chi tạm ứng 0,115 tỷ đồng.
 - Chi các CTMT, nhiệm vụ 10,25 tỷ đồng.
 - Chi bổ sung ngân sách xã 52,01 tỷ đồng.

(Kèm biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN)

V. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành huyện với các xã, thị trấn; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán, có 05/12 khoản thu đạt vượt 50% trở lên so chỉ tiêu pháp lệnh cụ thể: Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 110,1%; Thuế GTGT: 97,8%; Thuế TTĐB 151,6%; Thu tiền sử dụng đất: 104,5%; Thu khác tại xã đạt 76%.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định; đảm bảo theo chủ trương của nhà nước về chi an sinh xã hội.

- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán như: chi đảm bảo an sinh xã hội, chi giáo dục đào tạo, chi quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023. /.

Nơi nhận :

- Phòng TCKH;
- TTHU, TTHĐND;
- VP HĐND & UBND (Đăng Công thông tin điện tử huyện);
- Lưu: VT.



Lê Ngọc Ân

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	718.356	642.200	89,4%	95,2%
I	Thu cân đối NSNN	200.661	149.290	74,4%	120,8%
1	Thu nội địa	200.661	149.290	74,4%	120,8%
2	Thu viện trợ	-			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		185.321		182,0%
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	517.695	255.575	49,4%	64,6%
IV	Nguồn CCTL đơn vị tự đảm bảo				
V	Thu của đơn vị sự nghiệp (đảm bảo hoạt động chi TX)				
VI	Thu bổ sung ngân sách xã		52.014		97,9%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	718.356	433.286	60,3%	79,0%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	549.550	370.905	67,5%	83,5%
1	Chi đầu tư phát triển	52.620	150.393	285,8%	108,8%
2	Chi thường xuyên	485.930	220.512	45,4%	72,1%
3	Dự phòng ngân sách	11.000		0,0%	
II	Chi tạm ứng		115		0,3%
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	168.806	10.252	6,1%	114,4%
IV	Chi bổ sung ngân sách xã		52.014		97,9%



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	205.161	151.146	73,7%	121,57%
I	Thu nội địa	197.700	146.202	74,0%	127,30%
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	63.700	60.994	95,8%	235,27%
1.1	Thuế TNDN	3.070	3.381	110,1%	159,21%
1.2	Thuế Tài nguyên	3.070	853	27,8%	46,05%
1.3	Thuế VAT	57.510	56.245	97,8%	268,81%
1.4	Thuế TTĐB	50	76	151,6%	262,68%
1.5	Thu khác CTN		439		44,08%
2	Thuế thu nhập cá nhân	54.000	23.276	43,1%	67,60%
3	Thuế bảo vệ môi trường		-		
4	Lệ phí trước bạ	21.550	9.916	46,0%	86,39%
5	Thu phí, lệ phí	4.000	1.988	49,7%	75,82%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		22		25,74%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	327	46,8%	
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	650	291	44,8%	20,18%
9	Thu tiền sử dụng đất	42.000	43.888	104,5%	130,98%
10	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-		
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-		
13	Thu khác ngân sách	8.800	3.752	42,6%	149,80%
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		-		
15	Thu khác tại xã	2.300	1.747	76,0%	73,66%
16	Các khoản đóng góp tự nguyện khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	7.461	4.944	66,3%	52,15%
1	Từ các khoản thu phân chia	7.461	4.944	66,3%	52,15%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	681.884	373.914	54,8%	86,1%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	573.980	311.647	54,3%	83,8%
I	Chi đầu tư phát triển	188.035	150.393	80,0%	108,8%
1	Nguồn vốn XD/CB tập trung	8.620	7.486	86,8%	178,2%
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	42.000	18.768	44,7%	446,9%
3	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách	2.000	2.000	100,0%	666,7%
4	Vốn ngân sách tỉnh BSM/T	135.415	110.677	81,7%	89,7%
5	Tạm ứng năm trước chuyển sang		11.462		185,4%
II	Chi thường xuyên	377.167	161.139	42,7%	84,3%
	Trong đó:		-		
1	Chi An ninh	754	421	55,8%	122,2%
2	Chi Quốc phòng	4.401	3.240	73,6%	
3	Chi đặc thù huyện biên giới	240	-	0,0%	
4	Chi SN giáo dục, đào tạo, dạy nghề	246.770	102.117	41,4%	99,8%
5	Chi SN khoa học, công nghệ	230	3	1,3%	
6	Chi SN văn hóa thông tin	1.924	1.054	54,8%	109,2%
7	Chi SN phát thanh, truyền hình	120	47	39,4%	159,0%
8	Chi SN thể dục, thể thao	450	273	60,7%	60,4%
9	Chi SN đảm bảo xã hội	41.653	28.317	68,0%	
10	Chi SN kinh tế	32.719	6.646	20,3%	94,3%
11	Chi SN môi trường	6.090	1.047	17,2%	25,1%
12	Chi SN Y tế	3.782	1.810	47,9%	102,7%
13	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	34.379	16.037	46,6%	
14	Chi khác ngân sách	1.191	127	10,7%	
15	Tiết kiệm chi TX 10% tăng thêm so với năm 2022	2.464	-	0,0%	
III	Dự phòng ngân sách	8.778		0,0%	
IV	Chi tạm ứng		115		0,3%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	33.016	10.252	31,1%	114,4%
I	Bổ sung mục tiêu đầu năm	33.016	10.252	31,1%	114,4%
II	Bổ sung mục tiêu trong năm				
C	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	74.888	52.014	69,5%	97,9%

